

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp và điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15/6/2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 87/TTr-STP ngày 20/9/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp và điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 27/02/2009 của UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quy định trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-BTP;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử;
- Trung tâm Công báo – Tin học;
- Lưu: VT, Mi37/10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Hải

QUY ĐỊNH

**Về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp và điều kiện
bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 15 /2013/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về đầu mối chủ trì, cơ chế phối hợp và điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**Chương II
QUY ĐỊNH VỀ ĐẦU MỐI VÀ CƠ QUAN CHỦ TRÌ, PHỐI HỢP**

Điều 3. Sở Tư pháp

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh.

2. Làm đầu mối, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện rà soát theo chuyên đề và hệ thống hóa văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có nội dung thuộc lĩnh vực của ngành Tư pháp hoặc rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện rà soát thường xuyên, rà soát văn bản QPPL theo chuyên đề, lĩnh vực theo quy định.

Điều 4. Các sở, ban, ngành tỉnh

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện rà soát thường xuyên theo nhiệm vụ và rà soát,

hệ thống hóa theo chuyên đề, định kỳ văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có nội dung điều chỉnh những vấn đề, thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành mình và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác này.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan giải quyết, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong công tác phối hợp, thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL tại địa phương. Trường hợp vượt thẩm quyền quyết định hoặc những vấn đề phức tạp thì báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

3. Trưởng Phòng pháp chế hoặc người đứng đầu tổ chức pháp chế làm đầu mối, tham mưu, giúp thủ trưởng đơn vị chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thường xuyên rà soát, định kỳ hệ thống hóa văn bản QPPL liên quan đến ngành, lĩnh vực.

Điều 5. Trưởng Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã

Trưởng Phòng Tư pháp cấp huyện, Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã làm đầu mối, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cấp huyện, cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành theo quy định.

Chương III ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO ĐỐI VỚI CÔNG TÁC RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QPPL

Điều 6. Tổ chức, biên chế bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL

1. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thành lập Phòng Pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1, Điều 9 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế đảm bảo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành liên quan đến chuyên ngành, lĩnh vực; bảo đảm đủ biên chế và tổ chức cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã bảo đảm bố trí đủ cán bộ làm công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

3. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp tổ chức quản lý và sử dụng cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản theo Quy chế tổ chức và quản lý Cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn theo quy định của pháp luật để thực hiện tốt nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

Điều 7. Kinh phí đảm bảo cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa và người làm công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của cơ quan, tổ chức thuộc cấp nào do ngân sách Nhà nước cấp đó bảo đảm và được dự toán, tổng hợp chung vào dự toán kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm của đơn vị.

2. Hàng năm, trên cơ sở nghiên cứu chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, chương trình công tác, kế hoạch rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL đã được phê duyệt, thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh xây dựng dự toán kinh phí cùng dự toán kinh phí dành cho công tác này của đơn vị hàng năm gửi về Sở Tài chính để tổng hợp.

3. Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí đảm bảo cho các cơ quan thực hiện nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định của pháp luật trên cơ sở đề xuất của Thủ trưởng các đơn vị.

4. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có trách nhiệm quản lý, sử dụng số kinh phí được cấp hàng năm theo đúng các quy định của pháp luật.

5. Kinh phí rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành do ngân sách cấp huyện, cấp xã đảm bảo.

Điều 8. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Các tổ chức, cá nhân được giao làm đầu mối tổ chức thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo theo quy định trình thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định.

2. Báo cáo định kỳ về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện được gửi đến Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp.

3. Thời hạn gửi báo cáo, thời điểm lấy số liệu được thực hiện theo quy định về công tác thống kê, báo cáo của ngành Tư pháp.

Điều 9. Đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc: Hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các sở, ban, ngành tỉnh; tổ chức và quản lý cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn; xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm quy định cụ thể về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp và điều kiện bảo đảm cho công tác rà

soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn. Trưởng Phòng Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp mình trong việc hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL đối với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp; tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL tại cấp mình.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh kịp thời./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Hải